

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2021/HS-ST

Ngày 03 - 12 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Trần Thanh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hoàng Liên.

Bà Mai Huệ Anh Đài.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thiên Quan – Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 177/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

**TRẦN QUANG M**, sinh năm 1988 tại Hà Nội.

HKTT: VH, TL, ĐĐ, Hà Nội. Nơi tạm trú: Khu phố 5, phường KD, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M A và bà Nguyễn Thị H; có vợ tên Huỳnh Thị Bích H và 01 người con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

-Ngày 28/9/2012, bị Tòa án nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 05/3/2014.

-Ngày 23/10/2015, bị Tòa án nhân dân quận TX, Thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 28/4/2017.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (*Có mặt*).

- Bị hại: Huỳnh Quốc D, sinh năm 1986; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường PH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Thanh Tr, sinh năm 1958; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 7, phường TT, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Huỳnh Thị Bích H, sinh năm 1990; (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường KD, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Bản cáo trạng: Vào tháng 01/2021, Trần Quang M nhờ bạn là Trần Khánh L (sinh năm 1987, ở Khu phố 01, phường ĐS, thành phố P) giới thiệu đến thuê xe của anh Huỳnh Quốc D (sinh năm 1986, ở Khu phố 01, phường PH, thành phố P) 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 85F1-127.40 để làm phương tiện đi lại. Trong thời gian này, M vẫn thường xuyên truy cập vào trang thông tin của cửa hàng anh D để xem xe. Đến tháng 02/2021, M phát hiện trên trang thông tin này có 01 xe mô tô hiệu AirBlade, màu đỏ-đen, mang biển kiểm soát 85D1- 043.77 có các đặc điểm giống với xe mô tô của vợ mình là chị Huỳnh Thị Bích H (sinh năm 1990 ở Khu phố 5, phường KD, thành phố P) đang sử dụng nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên của anh D, mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 14/02/2021, M đến cửa hàng của anh D để xem và đổi xe nhưng do xe mô tô biển kiểm soát 85D1- 043.77 khách thuê trước chưa trả nên anh D hẹn M quay lại sau. Đến ngày 10/3/2021, M quay lại cửa hàng và nói với anh D về việc xin đổi xe đang thuê sang xe mang biển kiểm soát 85D1- 043.77, tin lời M nên anh D đồng ý. Sau khi có được xe, M đến tiệm decal (không rõ tên trên Đường 16/4, thành phố P) đặt làm 01 biển số xe giả trùng với biển số trên giấy đăng ký xe 85D1-033.08 của chị H rồi thay biển số xe 85D1-043.77 bằng biển số giả decal 85D1-033.08. Ngày 11/3/2021, M mang theo căn cước công dân của mình, giấy đăng ký xe 85D1-033.08 và chứng M nhân dân của chị H, rồi điều khiển xe mô tô được gắn biển số giả 85D1-033.08 tới tiệm cầm đồ TT, ở số 70 đường TTLO thuộc Khu phố 7, phường TT, thành phố P để cầm cố. Tại đây, chủ tiệm là bà Lê Thị Thanh Tr đã

nhận cầm cố xe mô tô trên với số tiền 8.000.000 đồng. Đến ngày 14/3/2021, khi hết hạn thuê xe, anh D liên hệ với M để yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được. Ngày 21/3/2021, anh D phát hiện xe của mình cho thuê đang ở tiệm cầm đồ TT nên đã trình báo Công an. Tại cơ quan điều tra, Trần Quang M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 biển số 85D1-043.77.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/BBĐG ngày 18/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 xe mô tô Airblade, màu đỏ-đen, số khung 2709BY818268, số máy JF27E0933354 có giá trị thực vào ngày 11/3/2021 là 10.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 179/CT-VKSPRTC ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận đã truy tố bị cáo Trần Quang M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và đồng ý với Bản kết luận định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Quang M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án tù 15 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Vật chứng của vụ án:

Tạm giữ và đưa vào hồ sơ vụ án : 01 bản sao căn cước công dân mang tên Trần Quang M; 01 bản sao chứng M nhân dân mang tên Huỳnh Thị Bích H.

Tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe mô tô biển kiểm soát 85D1-043.77 cho anh Huỳnh Quốc D; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 009702 cho chị Huỳnh Thị Bích H.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe giả 85D1-033.08 làm bằng decal.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Quốc D đã nhận lại tài sản, bà Lê Thị Thanh Tr là người nhận cầm cố xe mô tô đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng, ông D, bà Tr không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, rất ăn năn hối cải nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Khi phát hiện trên trang thông tin của hàng của ông Huỳnh Quốc D có 01 xe mô tô hiệu AirBlade, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 85D1- 043.77 có các đặc điểm giống với xe mô tô của vợ mình là bà Huỳnh Thị Bích H đang sử dụng, do đang thiếu tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển kiểm soát 85D1-043.77 của ông Huỳnh Quốc D, trị giá 10.500.000 đồng để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do đó Cáo trạng số: 179/CT-VKSPRTC ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi, biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam nên vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nên phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo là lao động

chính trong gia đình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, mặc dù đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích và lần phạm tội này có tính chất, mức độ thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu các quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, căn cứ tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Tạm giữ và đưa vào hồ sơ vụ án : 01 bản sao căn cước công dân mang tên Trần Quang M; 01 bản sao chứng M nhân dân mang tên Huỳnh Thị Bích H.

[5.2] Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 xe mô tô biển kiểm soát 85D1-043.77 cho anh Huỳnh Quốc D; 01 giấy đăng ký xe mô tô số 009702 cho chị Huỳnh Thị Bích H là có cơ sở.

[5.3] 01 biển số xe giả 85D1-033.08 làm bằng decal là công cụ dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Quốc D đã nhận lại tài sản, bà Lê Thị Thanh Tr là người nhận cầm cố xe mô tô đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng, ông D, bà Tr không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bà Huỳnh Thị Bích H không biết việc Trần Quang M sử dụng chứng M nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô của mình để phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với bà Huỳnh Thị Bích H là có cơ sở.

[8] Ông Trần Khánh L không biết việc Trần Quang M thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với M là có cơ sở.

[9] Bà Lê Thị Thanh Tr không biết xe mô tô nhận cầm cố là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có cơ sở.

[10] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quan điểm về xử lý vật chứng là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng:** Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Quang M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

**Xử phạt:** Bị cáo Trần Quang M 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 03-12-2021).

Giao bị cáo Trần Quang M cho Ủy ban nhân dân phường KD, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận là nơi bị cáo đang cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ: Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 85D1-033.08 làm bằng decal theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)/.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND Tp. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an Tp. PR-TC;
- CQTHAHS Công an Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Trần Thanh Thư**

